

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 222/QĐ-TTg, ngày 14/3/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 20/2019/TT-BXD, ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; số 01/2021/TT-BXD, ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 4176/QĐ-UBND, ngày 29/12/2021 về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 863/QĐ-UBND, ngày 27/4/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn

2021-2025; số 2194/QĐ-UBND, ngày 15/9/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; số 2722/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Công văn số 1107/SXD-QHKT, ngày 26/4/2023 của sở Xây dựng Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến về nội dung Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2928/QĐ-UBND, ngày 24/11/2020 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Phú Lương: Số 2492/QĐ-UBND, ngày 20/9/2021 về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 2266/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung các Quyết định: Số 1245/QĐ-UBND, ngày 25/5/2021, số 1678/QĐ-UBND, ngày 05/7/2021, số 2492/QĐ-UBND, ngày 20/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Phú Lương;

Căn cứ Tờ trình số 59a/TTr-UBND, ngày 03/11/2023 của UBND xã Tức Tranh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 273/TTr-KTHT, ngày 10/11/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phú Lương về việc đề nghị phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch và thời hạn quy hoạch

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Phạm vi ranh giới quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Yên Lạc.
- + Phía Nam giáp xã Vô Tranh.
- + Phía Tây giáp các xã: Yên Lạc, Phấn Mễ.
- + Phía Đông giáp xã Phú Đô.

2.2. Quy mô diện tích quy hoạch: 2.546,65 ha.

2.3. Thời hạn quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh được lập cho giai đoạn đến năm 2035.

3. Mục tiêu, tính chất, chức năng quy hoạch

3.1. Mục tiêu

- Định hướng quy hoạch xây dựng xã Túc Tranh đảm bảo tính liên kết vùng, cụ thể hoá quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Lương thời kỳ 2021-2030.

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Túc Tranh nhiệm kỳ 2020-2025.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại hóa nông nghiệp, tăng dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nông thôn.

- Khai thác hiệu quả các quỹ đất, rà soát quỹ đất và có phương án sử dụng hợp lý trên cơ sở phát triển bền vững.

- Là cơ sở cho công tác quản lý đất đai, quản lý xây dựng trên địa bàn; làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3.2. Tính chất, chức năng

- Xã Túc Tranh ở phía Đông của huyện Phú Lương, thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc, có nhiều triền đồi thấp xen kẽ trải khắp địa bàn xã.

- Xã có sản phẩm nông nghiệp truyền thống có giá trị cao (sản phẩm chè), có nhiều làng nghề truyền thống trồng chè và nhiều nét văn hóa, du lịch đặc trưng.

4. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng năm 2022 là: 9.088 người

- Dân số quy hoạch dự báo đến năm 2030 khoảng 9.841 người.

- Dân số quy hoạch dự báo đến năm 2035 khoảng 10.343 người.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Theo quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự kiến quy hoạch sử dụng đất xã Túc Tranh đến năm 2035 như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Quy hoạch sử dụng đất	
			Năm 2030 (ha)	Năm 2035 (ha)
	Tổng diện tích đất		2,546.65	2,546.65
1	Đất nông nghiệp	2223.4	2,158.48	2,158.48
1.1	Đất trồng lúa	76.67	53.03	53.03

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	55.71	43.15	43.15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1215.68	1,243.74	1,243.74
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	824.45	719.11	719.11
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	50.53	48.60	48.60
1.9	Đất nông nghiệp khác	0.36	50.85	50.85
2	Đất phi nông nghiệp	322.18	387.09	387.09
2.1	Đất quốc phòng	-	-	-
2.2	Đất an ninh	-	0.26	0.26
2.3	Đất cụm công nghiệp	-	17.17	17.17
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	0.59	23.67	23.67
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7.24	7.80	7.80
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	-	27.07	27.07
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	-	172.58	172.58
-	Đất giao thông	134.37	137.06	137.06
-	Đất thủy lợi	14.69	15.52	15.52
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	3.54	3.60	3.60
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0.15	0.15	0.15
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	5.59	8.14	8.14
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0.49	0.49	0.49
-	Đất công trình năng lượng	0.03	0.57	0.57

-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0.03	1.57	1.57
-	Đất cơ sở tôn giáo	0.52	0.52	0.52
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	2.99	3.52	3.52
-	Đất chợ	0.87	1.44	1.44
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	-	0.08	0.08
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	-	0.10	0.10
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	-	1.00	1.00
2.13	Đất ở tại nông thôn	88.84	91.08	91.08
2.14	Đất ở tại đô thị	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0.25	0.30	0.30
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	-	-	-
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	0.08	0.08	0.08
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	54.79	38.79	38.79
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	7.11	7.11	7.11
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	1.08	1.08	1.08
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	-	-	-
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	1.08	1.08	1.08
3.3	Núi đá không có rừng cây	-	-	-

6. Định hướng tổ chức không gian xã

Trên cơ sở hiện trạng hạ tầng các công trình hiện có, hoàn thiện hệ thống trung tâm xã bao gồm chỉnh trang hoàn thiện không gian làm việc trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã, bổ sung quy hoạch các hạng mục còn thiếu,

như trung tâm văn hóa thể thao, khu công viên cây xanh các công trình theo tiêu chí nông thôn mới, các công trình nhà văn hóa xóm, các nội dung điều chỉnh như sau:

- Quy hoạch Khu dân cư có vị trí tại xóm Đồng Hút và Đồng Danh có quy mô khoảng 15,0 ha;
- Quy hoạch mới khu chăn nuôi tập trung tại xóm Góc Gạo quy mô khoảng 13 ha;
- Quy hoạch mới khu chăn nuôi tập trung tại xóm Quyết Tiến vị trí giáp đường Thái Nguyên - Chợ mới, Bắc Kạn có quy mô khoảng 13 ha;
- Quy hoạch mới cụm công nghiệp Cầu Bình có vị trí giáp đường Thái Nguyên - Chợ mới, Bắc Kạn khu vực xóm Thâm Găng, quy mô khoảng 17,2 ha;
- Quy hoạch Trường Trung học phổ thông có vị trí giáp đường Thái Nguyên - Chợ mới, Bắc Kạn, khu vực xóm Đồng Danh tổng quy mô 2,27 ha;
- Quy hoạch mới khu trạm dừng nghỉ kết hợp TMDV, Kinh doanh quy mô khoảng 39,45 ha, có vị trí giáp đường Thái Nguyên - Chợ mới, Bắc Kạn thuộc xóm Đồng Tâm và Trạm dừng nghỉ tại xóm Đồng Tiến có quy mô 2,71 ha;
- Quy hoạch mới khu thương mại dịch vụ thuộc xóm Đồng Hút phục vụ sản xuất nông nghiệp, chuyên Doanh các sản phẩm nông sản địa phương... có quy mô khoảng 0,35 ha;
- Quy hoạch mới khu khai thác khoáng sản, làm gốm xóm Quyết Thắng quy mô 10,46 ha.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

** Định hướng đường Cao tốc, Quốc lộ, Tỉnh lộ*

Các tuyến đường Cao tốc, Quốc lộ, Tỉnh lộ có quy mô, hướng tuyến thực hiện theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

** Định hướng đường huyện, liên xã*

- Đối với các tuyến đường huyện trên địa bàn xã Túc Tranh thực hiện theo quy hoạch vùng huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.

- Trục đường giao thông liên xã lấy theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, với tốc độ thiết kế là 40km/h, chiều rộng nền đường là 7,5m, chiều rộng mặt là 5,5m, chiều rộng lề đường là 1,0m. Để bảo đảm cho quỹ đất phát triển giao thông trục liên xã, các công trình xây dựng hai bên trục liên xã được quy định xây lùi vào so với tim đường là 13,75m.

** Định hướng đường liên thôn, liên xóm*

Đối với trục giao thông liên thôn, liên xóm lấy theo tiêu chuẩn đường cấp A với tốc độ thiết kế là 30km/h, chiều rộng nền đường là 6,5m, chiều rộng mặt đường là 3,5m, chiều rộng lề đường là 1,5m. Hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5,0m.

** Định hướng đường ngõ xóm*

Đối với trục giao thông ngõ xóm lấy theo tiêu chuẩn đường cấp B với tốc độ thiết kế là 20km/h, chiều rộng nền đường là 5,0m, chiều rộng mặt đường là 3,5m, chiều rộng lề đường là 0,75m. Hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5,0m.

** Định hướng đường nội đồng*

Trục giao thông nội đồng lấy theo tiêu chuẩn cấp C với tốc độ thiết kế là 15km/h, trong đó bề rộng nền đường là 4,0m, chiều rộng mặt đường là 3,0m, chiều rộng lề đường mỗi bên 0,5m. Hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5,0m.

7.2 Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2035 khoảng 2.621 m³/ngđ.
- Nguồn nước: Dự kiến lựa chọn nguồn nước ngầm trong khu vực làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất của xã Tứ Tranh đến 2035.
- Sử dụng đường ống HDPE D63-D160, ống chịu áp lực PN10 (class 4).
- Nguồn nước cấp cho khu vực sẽ được lấy từ đường ống D160 dẫn từ Trạm cấp nước đến khu trung tâm xã và các điểm dân cư.
- Sử dụng mạng lưới kiểu cành cây, đường ống chính D160 sau đó giảm dần về phía cuối nguồn.
- Các đường ống chạy trên hè, lề đường của đường giao thông hiện có và đường giao thông quy hoạch mới.
- Đường ống được chôn sâu dưới mặt đất tối thiểu 0,5m và đối với ống qua đường xe chạy tối thiểu 0,7m, đặt trong ống lồng bằng thép, phía trên đặt tấm đan giảm tải đảm bảo an toàn cho đường ống.
- Mạng lưới cấp nước được tính toán với áp lực tự do 12m đảm bảo cấp nước cho nhà 2 tầng đối với khu trung tâm xã và các xóm lân cận. Đối với những công trình cao tầng và các xóm ở xa nhà máy cấp nước cần xây dựng bể chứa và trạm bơm tăng áp cục bộ nhằm giảm chi phí quản lý vận hành nhà máy cấp nước.
- Bảo vệ, vệ sinh nguồn nước:
 - + Đối với nguồn nước ngầm trong khu vực: Trong phạm vi có bán kính 100m tính từ trạm bơm nước ngầm cấm xây dựng, chăn nuôi, trồng cây ăn quả và các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước.
 - + Đối với khu vực trạm xử lý: Trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây tường rào bảo vệ xung quanh khu vực xử lý nước. Bên trong tường rào không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi gia súc, gia cầm.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng và viễn thông

- Nhu cầu cấp điện: Tổng công suất sử dụng điện toàn khu: 4090.84 (KVA).

- Tiếp tục sử dụng hệ thống đường dây 22kV hiện có. Hệ thống trạm biến áp mới dùng trạm treo, đường dây dẫn từ trực 22kV đến trạm biến áp dùng dây AC-50.

- Lưới điện: Cải tạo xây mới các tuyến trung thế đến các trạm biến áp lắp đặt mới và các tuyến hạ thế đến 100% ngõ xóm, cải tạo chỉnh trang các tuyến trung thế và hạ thế hiện trạng để đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục.

- Xây dựng mới và cải tạo lưới điện chiếu sáng trên các tuyến trục chính giao thông của xã.

- Tuyến cáp viễn thông chính của khu vực đi chung cột với điện lực, tuyến nhánh tùy thuộc vào khu vực cung cấp để bố trí các tủ cáp trên các cột điện lực phù hợp và đảm bảo kinh tế, kỹ thuật.

7.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Đối với khu vực làng xóm cũ: Hệ thống thoát nước chỉ là tự chảy hoặc các rãnh nhỏ thu nước đổ ra các kênh mương, ao hồ tự nhiên. Do vậy trong các khu dân cư hiện hữu kiến nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu đầu tư kinh phí lập riêng dự án xây dựng hệ thống thoát nước.

- Đối với các khu ở mới: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng (*trong khu dự án hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng*) bằng các hệ thống cống, rãnh thu nước đổ ra hệ thống cống BTCT đặt ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông.

- Nước thải sau khi được xử lý cục bộ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép được thoát nước vào hệ thống thoát nước chung.

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Đối với chất thải rắn từ sinh hoạt, định hướng quy hoạch các điểm thu gom rác thải với quy mô 20m²/ điểm thu gom, mật độ là 200 hộ/1 điểm thu gom. Rác thải được thu gom tập trung tại các điểm và được chuyển đến khu vực xử lý chung của huyện để xử lý.

- Thực hiện đóng cửa các nghĩa trang hiện có phân tán trên địa bàn xã, xây dựng hàng rào và trồng cây xanh cách ly để bảo vệ môi trường. Quy hoạch mở rộng 04 khu nghĩa trang tập trung được hình thành trên các khu nghĩa trang hiện có ở vị trí các xóm Đồng Tâm, Minh Hợp, Hợp Tiến, Cây Thị.

8. Quy hoạch quản lý xây dựng theo quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035, UBND huyện giao:

- Ủy ban nhân dân xã Tức Tranh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai và cắm mốc giới đồ án quy hoạch được phê duyệt đảm bảo theo quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch; quản lý quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt; căn cứ các văn bản hướng dẫn của Nhà nước để tổ chức thực hiện theo quy định.

- Các phòng chuyên môn: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Văn hoá và Thông tin căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, quản lý quy hoạch chung xây dựng xã Tức Tranh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Văn hoá và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Tức Tranh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

HL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng Mác



QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Theo đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Túc Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2412/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn xã Túc Tranh thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Quy định này hướng dẫn việc quản lý quy hoạch, kiến trúc trên cơ sở Quy hoạch xây dựng chung của xã Túc Tranh đã được UBND huyện Phú Lương phê duyệt phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định hướng phát triển chung của khu vực và toàn xã, phù hợp với các quy định khác có liên quan.

3. Nội dung quy định kế thừa, phù hợp các quy định hiện hành về kiến trúc, cảnh quan, về địa hình, khí hậu, tập quán văn hoá, điều kiện kinh tế, xã hội, quy mô, tính chất của vùng nông thôn, nội dung quy định có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Quy định này làm cơ sở để xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan; là một căn cứ để xác định việc lập nhiệm vụ quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng vào địa bàn xã theo đúng quy hoạch và pháp luật hiện hành.

5. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

6. Chủ tịch UBND xã Túc Tranh và các phòng, ban chuyên môn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về việc quản lý xây dựng theo Đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Túc Tranh được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch

1. Ranh giới quy hoạch: Trên phạm vi toàn bộ ranh giới địa chính xã Túc Tranh, được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Yên Lạc.
- + Phía Nam giáp xã Vô Tranh.
- + Phía Tây giáp các xã: Yên Lạc, Phấn Mễ.
- + Phía Đông giáp xã Phú Đô.

2. Quy mô, diện tích các khu chức năng trong vùng quy hoạch

2.1. Quy mô diện tích quy hoạch toàn xã là 2.546,65 ha.

2.2. Quy mô dân số:

- Năm 2022 là: 9.088 người
- Dự kiến đến năm 2035 khoảng 10.343 người.

2.2. Các khu chức năng: Khu trung tâm xã; khu trung tâm văn hóa các thôn, các điểm dân cư cũ và các điểm dân cư quy hoạch mới phát triển; các khu sản xuất và các khu chức năng (khu sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ,...); hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát, cấp điện,...).

a) Các điểm dân cư mới:

- Khu dân cư tại xóm Đồng Hút và Đồng Danh có quy mô khoảng 15,0 ha;
- Khu dân cư Đồng Hút: 6,1 ha

b) Khu trung tâm xã:

- Trụ sở làm việc cấp xã, hội trường, công an, quân sự,...: Diện tích khoảng 0,7ha.

- Trường mầm non trung tâm xã: Diện tích khoảng 0,3ha.

- Trường tiểu học: Diện tích khoảng 1,0ha.

- Trường trung học cơ sở: Diện tích khoảng 1,15ha.

- Trường trung học phổ thông: Diện tích khoảng 2,56ha.

- Trạm Y tế xã: Diện tích là 0,2ha.

- Chợ, TMDV: Diện tích khoảng 0,62ha.

- Bưu điện xã: Diện tích khoảng 0,03ha.

c) Khu trung tâm các thôn: Quy hoạch các khu trung tâm văn hóa (nhà văn hoá, thể dục thể thao, cây xanh). Cụ thể:

- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Thâm Găng; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Khe Cốc; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Minh Hợ; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Quyết Thắng; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Quyết Tiến; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Đồng Tiến; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Đồng Tâm; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Đồng Lường; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Đồng Lương; quy mô 500m²

- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Đan Khê; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Đan Khê; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Hợp Tiến; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Gốc Gạo; quy mô 500m²
- Quy hoạch mới nhà văn hóa xóm Ngoài Tranh; quy mô 500m²

d) Các khu chức năng khác:

- Trạm dừng nghỉ xóm Đồng Tiến: 2,71ha;
- Trạm dừng nghỉ, thương mại và kinh doanh dịch vụ xóm Đồng Tâm: 39,45ha;
- Mỏ đất xóm Quyết Tiến: 10,64ha;
- Cụm CN Cầu Bình: 35,5ha trong đó phần thuộc xã Tứ Tranh là 17,2ha.

Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư

1. Khu vực cải tạo:

- Chiều cao công trình: Tối đa 5 tầng.
- Chiều cao tầng: Tầng 1 cao 3,9m; các tầng còn lại cao từ 3,3 m-3,6m.
- Độ vươn ra của các bộ phận kiến trúc:

+ Đối với công trình có mặt tiền tiếp giáp đường trục xã, liên xã: Độ vươn ra của ban công tối đa là 1,2 m và phải nhỏ hơn chiều rộng hè đường ít nhất 1,0m, đồng thời phải đảm bảo các quy định về an toàn lưới điện; các mặt còn lại không được vượt quá chỉ giới đường đỏ.

+ Đối với công trình trong khu dân cư hiện hữu ở các thôn: Các công trình có các mặt tiếp giáp với các tuyến đường mà không có hè đường, có chiều rộng nhỏ hơn 7m và các mặt khác còn lại thì các bộ phận kiến trúc không được vượt quá chỉ giới đường đỏ.

- Diện tích lô đất: Từ 70 m² trở lên.

2. Khu vực xây mới: Tuân thủ các chỉ tiêu kỹ thuật theo QCVN: 01/2021 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Lô đất xây dựng nhà ở tiếp giáp với đường có bề rộng chỉ giới đường đỏ ≥ 19 m, bề rộng mặt tiền của công trình nhà ở ≥ 5 m;

- Lô đất xây dựng nhà ở tiếp giáp với đường có bề rộng chỉ giới đường đỏ < 19 m, bề rộng mặt tiền của công trình nhà ở ≥ 4 m;

- Chiều dài tối đa của lô đất xây dựng dãy nhà ở liên kế có hai mặt tiếp giáp với các tuyến đường từ cấp đường chính khu vực trở xuống là 60 m.

- Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ (nhà biệt thự, nhà ở liền kề, nhà ở độc lập) theo bảng sau:

Diện tích lô đất (m²/căn nhà)	≤ 90	100	200	300	500	≥ 1 000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	40
CHÚ THÍCH:						
+ Lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ còn phải đảm bảo hệ số sử dụng đất không vượt quá 7 lần.						
+ Đối với các lô đất không nằm trong Bảng trên được phép nội suy giữa 2 giá trị gần nhất.						

- Chỉ giới xây dựng: Theo thiết kế trong đồ án quy hoạch chi tiết cho từng dự án khu nhà ở.

- Chiều cao công trình: Tối đa 5 tầng, chiều cao các tầng quy định cụ thể như sau: Tầng 1 cao từ 3,6 m-3,9 m, các tầng còn lại có chiều cao từ 3,3m-3,6m.

- Cốt nền nhà: Cao độ sân được phép cao hơn so với cao độ hè đường 0,15m; cốt nền nhà cao hơn hè đường từ 0,2 m đến 0,65 m

Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng

1. Các công trình công cộng gồm: Trường học, trạm y tế, trụ sở xã, chợ, nhà văn hóa, thể dục thể thao,.....

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính để quản lý xây dựng:

- Mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng như giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, chợ trong khu vực xây dựng mới là 40%.

- Khoảng cách tối thiểu giữa các tòa nhà, công trình riêng lẻ hoặc dãy nhà liền kề:

+ Trường hợp các công trình có chiều cao < 46 m: Khoảng cách giữa cạnh dài của các công trình phải đảm bảo $\geq 1/2$ chiều cao công trình nhưng không được < 7 m; khoảng cách giữa đầu hồi của công trình với đầu hồi hoặc cạnh dài của công trình khác phải đảm bảo $\geq 1/3$ chiều cao công trình nhưng không được < 4 m; trường hợp trong cùng một lô đất có các dãy nhà liền kề nếu được quy hoạch cách nhau, khoảng cách giữa cạnh mặt sau của dãy nhà liền kề phải đảm bảo ≥ 4 m.

+ Trường hợp các công trình có chiều cao ≥ 46 m: Khoảng cách giữa cạnh dài của các công trình phải ≥ 25 m; Khoảng cách giữa đầu hồi của công trình với đầu hồi hoặc cạnh dài của công trình khác phải đảm bảo ≥ 15 m.

- Chỉ giới xây dựng: Tối thiểu 5 m so với chỉ giới đường đỏ.

- Chiều cao công trình:

+ Trụ sở xã: Tối đa 3 tầng.

+ Nhà văn hóa, hội trường: Tối đa 2 tầng.

+ Các công trình còn lại: Tối đa 5 tầng.

Điều 5: Đất sản xuất

1. Đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản:

- Khu vực sản xuất cây nông nghiệp: Định hướng lâu dài sẽ quy hoạch các khu vực trồng cây nông nghiệp, tổ chức lựa chọn các giống cây có năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu tốt với sâu bệnh, để đưa vào sản xuất.

- Khu vực nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch tại những vùng đất trũng các khu trang trại tập trung để nuôi trồng thủy sản.

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển sản xuất nông đến năm 2035 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ,....:

- Khu vực cụm công nghiệp: Diện tích khoảng 17,2 ha.

- Khu đất thương mại, dịch vụ,....: Diện tích khoảng 42,16 ha.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch

- Mật độ xây dựng:

+ Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa là 70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%.

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất thương mại dịch vụ và lô đất sử dụng hỗn hợp cao tầng theo diện tích lô đất và chiều cao công trình theo bảng sau:

Chiều cao xây dựng công trình trên mặt đất (m)	Mật độ xây dựng tối đa (%) theo diện tích lô đất			
	≤ 3 000 m ²	10 000m ²	18 000 m ²	≥ 35 000 m ²
≤16	80	70	68	65
19	80	65	63	60
22	80	62	60	57
25	80	58	56	53
28	80	55	53	50
31	80	53	51	48
34	80	51	49	46
37	80	49	47	44
40	80	48	46	43
43	80	47	45	42
46	80	46	44	41
>46	80	45	43	40

CHÚ THÍCH:

+ Đối với lô đất có các công trình có chiều cao > 46 m còn phải đảm bảo hệ số sử dụng đất không vượt quá 13 lần (trừ các lô đất xây dựng các công trình có yêu cầu đặc biệt về kiến trúc cảnh quan, điểm nhấn đô thị đã được xác định trong quy hoạch cao hơn).

+ Đối với các lô đất không nằm trong Bảng trên được phép nội suy giữa 2 giá trị gần nhất.

- *Chỉ giới xây dựng*: Theo thiết kế trong đồ án quy hoạch chi tiết cho từng dự án.

- Tỷ lệ tối thiểu đất giao thông, cây xanh, các khu kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao theo bảng sau:

Loại đất	Tỷ lệ (% diện tích toàn khu)
Giao thông	10
Cây xanh	10
Các khu kỹ thuật	1

CHÚ THÍCH: Đất giao thông và cây xanh trong bảng trên không bao gồm đất giao thông, cây xanh trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất.

Điều 6. Đất cây xanh

- Đất cây xanh sử dụng công cộng phải đảm bảo thuận tiện cho mọi người dân được tiếp cận sử dụng. Phải quy hoạch khai thác sử dụng đất cây xanh tự nhiên, thảm thực vật ven sông hồ, ven kênh rạch,..... để bổ sung thêm đất cây xanh khu vực thôn xóm.

- Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu cây xanh chuyên dụng, vùng bảo vệ môi trường tự nhiên được quy định tùy theo chức năng và các quy định pháp luật có liên quan, nhưng không quá 5%.

- Các khu vực có các cảnh quan tự nhiên (sông, suối, thảm thực vật tự nhiên) đặc trưng có giá trị cần có giải pháp về quy hoạch khai thác và bảo tồn cảnh quan.

- Tỷ lệ đất trồng cây xanh trong các lô đất xây dựng công trình theo bảng sau:

Trong lô đất xây dựng công trình	Tỷ lệ đất tối thiểu trồng cây xanh (%)
1- Nhà chung cư	20
2- Công trình giáo dục, y tế, văn hóa	30
3- Nhà máy	20

Điều 7. Các khu vực bảo tồn, di tích, cấm xây dựng

1. Đối với khu vực bảo tồn

- Vị trí: Bao gồm các công trình di tích lịch sử - văn hóa được Nhà nước xếp hạng nằm trong phạm vi, ranh giới quy hoạch của xã.

- Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

+ Giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích.

+ Lập quy hoạch, dự án, phương án sửa chữa trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ, phát triển, sử dụng di tích danh thắng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Di sản văn hóa, các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với các công trình xây dựng xung quanh khu di tích và công trình công cộng: Thực hiện xây dựng phải đảm bảo theo quy định về quản lý kiến trúc, cảnh quan đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong phạm vi ảnh hưởng đến khu di tích, công trình công cộng (*phương án cụ thể sẽ được xem xét trong quá trình lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình và được cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt*).

Điều 8. Khu vực an ninh quốc phòng

- Khu đất an ninh, quốc phòng (khu đất trụ sở công an, quân sự): Được quy hoạch đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

Các chỉ tiêu quy hoạch chính để quản lý xây dựng: Thực hiện theo khoản 2, Điều 4 Quy định này.

Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

9.1. Đường giao thông

* *Tuyến Cao tốc, Quốc lộ, Tỉnh lộ*

Các tuyến đường Cao tốc, Quốc lộ, Tỉnh lộ có quy mô, hướng tuyến thực hiện theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

* *Đường huyện, liên xã*

- Đối với các tuyến đường huyện trên địa bàn xã Tứ Tranh thực hiện theo quy hoạch vùng huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.

- Trục đường giao thông liên xã lấy theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, với tốc độ thiết kế là 40km/h, chiều rộng nền đường là 7,5m, chiều rộng mặt là 5,5m, chiều rộng lề đường là 1,0m. Để bảo đảm cho quỹ đất phát triển giao thông trục liên xã, các công trình xây dựng hai bên trục liên xã được quy định xây lùi vào so với tim đường là 13,75m.

* *Đường liên thôn, liên xóm*

Đối với trục giao thông liên thôn, liên xóm lấy theo tiêu chuẩn đường cấp A với tốc độ thiết kế là 30km/h, chiều rộng nền đường là 6,5m, chiều rộng mặt

đường là 3,5m, chiều rộng lề đường là 1,5m. Hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5,0m.

** Đường ngõ xóm*

Đối với trục giao thông ngõ xóm lấy theo tiêu chuẩn đường cấp B với tốc độ thiết kế là 20km/h, chiều rộng nền đường là 5,0m, chiều rộng mặt đường là 3,5m, chiều rộng lề đường là 0,75m. Hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5,0m.

** Đường nội đồng*

Trục giao thông nội đồng lấy theo tiêu chuẩn cấp C với tốc độ thiết kế là 15km/h, trong đó bề rộng nền đường là 4,0m, chiều rộng mặt đường là 3,0m, chiều rộng lề đường mỗi bên 0,5m. Hành lang an toàn giao thông mỗi bên 5,0m.

9.2. Cấp điện

a) Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện hiện có tại các trạm biến áp và đường dây đang cấp điện cho toàn xã.

b) Giải pháp cấp điện:

- Tận dụng toàn bộ hệ thống điện đã có để cấp cho các khu dân cư cũ của các xóm và các công trình công cộng trên địa bàn xã. Do hệ thống điện của xã được đầu tư từ lâu, lưới điện đã xuống cấp, do đó cần phải nâng cấp cải tạo, dần dần ngầm hóa đường dây để đảm bảo nhu cầu về phụ tải tăng và nâng cấp các trạm biến áp hiện trạng đang cấp điện cho các thôn.

- Toàn bộ khu vực các khu quy hoạch mới, giải pháp cấp điện theo quy hoạch cho từng khu vực.

9.3. Cấp nước

- Nguồn nước: Lựa chọn nguồn nước ngầm trong khu vực làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất của xã Tứ Tranh đến 2035.

- Mạng lưới đường ống cấp nước cho các xóm của xã sử dụng đường ống HDPE. Hệ thống đường ống cấp nước mạng lưới kiểu cành cây.

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt và được thiết kế ở giai đoạn quy hoạch chi tiết.

9.4. Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa của xã tận dụng địa hình tự nhiên. Toàn bộ nước mặt được thu bằng hệ thống cống BTCT, cống tròn hoặc cống hộp được bố trí ở hè của các tuyến đường rồi được thoát ra hệ thống kênh tiêu thủy lợi và hệ thống ao, hồ của xã.

9.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải, nghĩa trang và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Đối với khu vực làng xóm cũ: Hệ thống thoát nước chỉ là tự chảy hoặc các rãnh nhỏ thu nước đổ ra các kênh mương, ao hồ tự nhiên. Do vậy trong các khu dân cư hiện hữu kiến nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu đầu tư kinh phí lập riêng dự án xây dựng hệ thống thoát nước.

- Đối với các khu ở mới: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng (trong khu dự án hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng) bằng các hệ thống cống, rãnh thu nước đổ ra hệ thống cống BTCT đặt ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông.

- Nước thải sau khi được xử lý cục bộ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép được thoát nước vào hệ thống thoát nước chung.

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Đối với chất thải rắn từ sinh hoạt, định hướng quy hoạch các điểm thu gom rác thải với quy mô 20m²/ điểm thu gom, mật độ là 200 hộ/1 điểm thu gom. Rác thải được thu gom tập trung tại các điểm và được chuyển đến khu vực xử lý chung của huyện để xử lý.

c) Nghĩa trang:

- Thực hiện đóng cửa các nghĩa trang hiện có phân tán trên địa bàn xã, xây dựng hàng rào và trồng cây xanh cách ly để bảo vệ môi trường. Quy hoạch mở rộng 04 khu nghĩa trang tập trung được hình thành trên các khu nghĩa trang hiện có ở vị trí các xóm Đồng Tâm, Minh Hợp, Hợp Tiến, Cây Thị.

Điều 10. Nhà ở dân cư nông thôn

- Màu sắc: Màu sắc công trình sử dụng các gam màu vàng nhạt, màu ghi sữa, các màu sắc hài hoà, sáng mát không sử dụng các màu sắc sỡ như màu đỏ, hoặc các màu tối như màu đen, xám...

- Vật liệu công trình: Theo tập quán từng vùng miền tận dụng các nguồn nguyên vật liệu địa phương, phù hợp thích ứng với môi trường khí hậu khu vực dân cư hiện trạng, hình thức kiến trúc hài hòa với các loại hình nhà ở trong khu dân cư đã định hình.

- Hình thức kiến trúc của từng loại nhà ở tương ứng với từng vùng miền khu vực quy hoạch đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành...

- Cảnh quan: Nhà ở và các hạng mục công trình phụ trợ phải phù hợp với những định hình kiến trúc khu vực và môi trường khu vực xây dựng. Tường rào mặt tiền, mặt bên ở góc giao lộ, phần xây đặc phía dưới (*nếu có*) cao không quá 0,8m (*tính từ cốt san nền công trình*), phần phía trên phải đảm bảo thông thoáng không che khuất tầm nhìn. Tường rào cây xanh phải được định kỳ chăm sóc, cắt tỉa để đảm bảo mỹ quan và không được che khuất tầm nhìn tại các góc giao lộ. Tường rào các mặt còn lại có thể xây đặc, cao không quá 1,80m (*tính từ cốt san nền công trình*)

Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Túc Tranh, huyện Phú Lương đến năm 2035 của UBND huyện Phú Lương có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ vào Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt và quy định cụ thể của Quy định này để hướng dẫn lập quy hoạch chi tiết, thực hiện xây dựng theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

Điều 13. Mọi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Túc Tranh, huyện Phú Lương và bản Quy định này được ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân được biết và thực hiện:

- Sở Xây dựng Thái Nguyên;
- Phòng Kinh tế và Hạ Tầng huyện Phú Lương;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Lương;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Lương;
- Ủy ban nhân dân xã Túc Tranh./.